

# HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

PGS, TSKH TRẦN NGUYỄN TUYÊN

*Hội đồng Lý luận Trung ương*

Qua hơn 30 năm đổi mới, mặc dù nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế, xã hội, song cũng đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn về phát triển kinh tế so với các nước trong khu vực và thế giới. Đại hội XII (2016) của Đảng xác định: “Đến năm 2020, phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế”. Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường (KTĐT) định hướng XHCN đang là vấn đề cấp bách hiện nay.

## 1. Khái quát những kết quả đạt được

Thể chế kinh tế là hệ thống những quy định, quy tắc luật pháp điều chỉnh, giám sát các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế. Thể chế kinh tế bao gồm các yếu tố như: các đạo luật, luật lệ, quy định, quy tắc... về kinh tế gắn với những người tham gia các hoạt động kinh tế, các chế tài xử lý vi phạm và cơ chế vận hành của nền kinh tế.

Trong thời đại ngày nay, mặc dù có những mô hình khác nhau, song KTĐT đã trở thành một mô hình phát triển phổ quát với những đặc điểm chung; thể chế KTĐT đang thống trị quá trình phát triển của nền kinh tế thế giới. Điều đó có nghĩa là các quy tắc, cơ chế kinh tế, người tham gia, người giám sát quá trình phát triển kinh tế cùng chịu sự chi phối của các quy luật KTĐT có sự can thiệp của nhà nước, thể chế kinh tế là công cụ quản lý nhà nước đối với phát triển KTĐT. Như vậy, thể chế kinh tế định hướng và tạo khuôn khổ pháp lý cho việc tổ chức hoạt

động của nền kinh tế; tạo ra nền tảng kinh tế-xã hội của nền kinh tế như chế độ sở hữu các thành phần kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, thể chế kinh tế đóng vai trò chủ thể quản lý, góp phần đồng bộ hóa hệ thống thị trường, từng bước hoàn thiện và phát triển hệ thống thị trường của nền kinh tế.

Dưới sự tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các nền KTĐT hội nhập phải tuân thủ các giá trị và chuẩn mực của KTĐT, đồng thời mang những sắc thái riêng có dấu ấn về lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội của từng nước.

Qua hơn 30 năm thực hiện chính sách đổi mới, tư duy về KTĐT ở nước ta đã từng bước được hình thành, phát triển và phát huy hiệu quả trong thực tiễn đời sống xã hội.

Đại hội VI (1986) của Đảng, với quan điểm nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật, đã đánh dấu bước ngoặt của quá trình đổi mới, nhất là đổi mới tư duy kinh tế của Đảng, khẳng định quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ đi lên

sản xuất lớn của nước ta là quá trình chuyển hóa nền kinh tế còn mang tính tự túc tự cấp thành nền kinh tế hàng hóa, khẳng định sự cần thiết của việc sử dụng quan hệ hàng hoá-tiền tệ dưới CNXH, coi tính kế hoạch là đặc trưng số một, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá-tiền tệ là đặc trưng thứ hai của cơ chế quản lý kinh tế mới. Như vậy, Đại hội VI mặc dù chưa đạt tới nhận thức về KTTT, song đã đặt nền tảng cho sự phát triển nhận thức của Đảng ở các đại hội sau.

Đại hội VII (1991) của Đảng thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, tiến thêm một bước về nhận thức lý luận, xác định: cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

Tại Đại hội VIII (1996) của Đảng, trên cơ sở tổng kết 10 năm đổi mới, Đảng đã có sự phát triển nhận thức lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH, làm rõ hơn tư tưởng phân kỳ thời kỳ quá độ ở nước ta; khẳng định luận điểm quan trọng: sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng CNXH. Đảng chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN.

Đại hội IX (2001) của Đảng chính thức đưa ra khái niệm KTTT định hướng XHCN, khẳng định phát triển KTTT định hướng XHCN là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Đây là mô hình KTTT mới trong lịch sử phát triển, vừa có những đặc điểm chung của KTTT hiện đại, vừa có những đặc điểm riêng phù hợp với những điều kiện đặc thù của Việt Nam.

Sự khẳng định của Nghị quyết Đại hội IX về mục tiêu xây dựng nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là một bước phát triển mới về nhận thức lý luận so với mô hình nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước được xác định tại Đại hội VIII.

Kế thừa tư duy của Đại hội IX, Đại hội X (2006) của Đảng đã làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của việc tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN trên các phương diện: nắm vững định hướng XHCN trong nền KTTT ở nước ta, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại hình thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh.

Các nội dung trên có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Phát triển KTTT định hướng XHCN có nghĩa là nền kinh tế đó phải tuân theo các nguyên tắc và quy luật phổ biến của KTTT như một giá trị phổ biến của toàn nhân loại, đồng thời thể hiện tính định hướng XHCN, tạo ra chất lượng mới của sự phát triển. Chính đặc trưng cơ bản này chi phối và quyết định động lực, phương tiện công cụ, con đường đạt tới mục tiêu KTTT, nâng cao hiệu quả và hiệu lực điều tiết của Nhà nước, phát triển mạnh các loại hình thị trường, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước trong khu vực, thực hiện mục tiêu Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020

Đại hội XI (2011) của Đảng đã đưa vào *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)* quan điểm về xây dựng nền KTTT định hướng XHCN

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, lý luận về phát triển KTTT ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, Đại hội XII (2016) của Đảng đã bổ sung, hoàn thiện và xác định cụ thể hơn khái niệm nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam phù hợp với bối cảnh mới. Nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ đồng bộ theo các quy luật của KTTT, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Vai trò của KTTT được thể hiện ở 4 điểm: vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong phân bổ nguồn lực phát triển; thị trường là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đều phù hợp với cơ chế thị trường. Định hướng XHCN của nền KTTT thể hiện ở 5 điểm: Có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế-xã hội; xác lập quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước phát triển. Văn kiện Đại hội XII đã xác định rõ hơn vai trò của Nhà nước đối với nền KTTT định hướng XHCN, thể hiện ở các nội dung: Nhà nước pháp quyền XHCN quản lý nền KTTT; nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường; Nhà nước đóng vai trò định hướng xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch; Nhà nước sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ cơ chế chính sách để định hướng, điều tiết nền kinh tế; thực hiện tiến bộ công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Đại hội XII của Đảng đã xác định mục tiêu đến năm 2020: “Phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; đảm bảo tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững; chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; bảo đảm tính công khai minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội”<sup>2</sup>

Quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam gắn liền với việc thực hiện quan điểm, chủ trương nhất quán về hội nhập quốc tế (HNQT) của Đảng, như Đại hội XII khẳng định: “triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Tiến trình HNQT của Việt Nam được thực hiện tương đối nhanh, sâu rộng và hướng tới thực chất trên các kênh song phương và đa phương, cả trong khu vực và phạm vi toàn cầu. HNQT được xác định trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tư duy lý luận về thể chế KTTT định hướng XHCN trong quá trình đổi mới đất nước được thực tiễn khẳng định là đúng đắn và từng bước đi vào cuộc sống, những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế-xã hội, HNQT của nước ta trong thời gian qua đã khẳng định điều đó. Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu về phát triển kinh tế-xã hội như: sớm đưa nước ta khỏi tình trạng nước kém phát triển, phấn đấu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong bối cảnh mới, HNQT

ngày càng sâu rộng, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện mạnh mẽ hơn thể chế KTTT định hướng XHCN.

## 2. Những vấn đề đặt ra

Mặc dù đã có những bước tiến quan trọng về lý luận, chủ trương song thực tiễn đến nay cho thấy chúng ta chưa hình thành được một khung lý luận vững chắc về thể chế KTTT định hướng XHCN, nhận thức về nền KTTT định hướng XHCN cũng chưa rõ, nhất là về kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, về cơ chế phân bổ nguồn lực, sở hữu đất đai, cơ chế giá một số hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu... Do vậy, nhiều khi chúng ta vẫn chưa vận dụng đầy đủ và nhất quán những nguyên tắc của nền KTTT trong xây dựng, vận hành và xử lý các vấn đề của nền kinh tế. Chưa xác định rõ và tạo sự nhất trí cao về những đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCN, đặc biệt là về cấu trúc, quan hệ giữa các yếu tố, bộ phận hợp thành thể chế KTTT định hướng XHCN. Mối quan hệ giữa hai thành tố là KTTT và định hướng XHCN, về sự kết hợp giữa chúng để tạo thành một phương thức mới, giải quyết các vấn đề phát triển của Việt Nam, vẫn chậm được làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn. Nhận thức lý luận về KTTT định hướng XHCN còn chậm so với thực tiễn phát triển, nhiều vấn đề đặt ra chưa được tổng kết, giải quyết kịp thời.

Mối quan hệ trong cơ chế giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ mặc dù được quan tâm và có bước phát triển, song về tổng thể chưa được giải quyết hiệu quả trên thực tế, làm giảm hiệu lực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Mối quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và thị trường, nhất là về mặt lợi ích kinh tế, chưa được xử lý phù hợp, chưa phát huy được tính năng động của Nhà nước cũng như vai trò thúc đẩy của thị trường, đặc biệt là vai trò của lực lượng xung kích

của doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là khi Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã được 10 năm, kể từ năm 2007.

Kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO đến nay, tiến trình chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng hơn. Nước ta đã tích cực đàm phán và ký 10 Hiệp định Thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, đây là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Việt Nam cũng tiến hành đàm phán các hiệp định khác như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (mặc dù, tháng 1-2017, Tổng thống Mỹ Donald Trump ký sắc lệnh chính thức rút Mỹ khỏi Hiệp định TPP, tuy nhiên các thành viên còn lại đều mong muốn thúc đẩy việc thi hành hiệp định này), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện (RCEP), Hiệp định Thương mại tự do châu Á-Thái Bình Dương. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời gian qua cũng làm bộc lộ rõ những hạn chế của nền kinh tế, cũng như thể chế KTTT định hướng XHCN. Yếu kém cơ bản của nền kinh tế là cơ cấu kinh tế. Chất lượng tăng trưởng vẫn chưa được cải thiện về căn bản. Các doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam mặc dù được cải thiện song còn yếu kém so với các nước, kể cả các nước trong khu vực. Các ngành kinh tế, các doanh nghiệp mang tính mũi nhọn có khả năng vươn ra chiếm lĩnh thị trường khu vực và thế giới chưa nhiều. Một số sản phẩm truyền thống bắt đầu gặp khó khăn trong cạnh tranh, cơ cấu hàng xuất khẩu còn nghèo nàn, tập trung vào các mặt hàng như nông thủy sản, dệt may, giày da.

Có thời kỳ, việc tập trung nỗ lực hội nhập ở khu vực Đông Á làm tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế nước ta vào các nền kinh tế lớn trong khu vực về các nguồn nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị, tăng nguy cơ nhập siêu. Mặt khác, do

chưa chủ động trong việc xây dựng các hàng rào kỹ thuật, trong khi độ mở của nền kinh tế Việt Nam lớn, dễ bị tổn thương trước những tác động không thuận của tình hình khu vực và thế giới, nhất là xu hướng dân tộc chủ nghĩa, quay lại chủ nghĩa bảo hộ xuất hiện như hiện nay.

Cơ chế chính sách thiếu đồng bộ giữa các bộ ngành về nguồn lực, chính sách thuế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ và cơ sở hạ tầng.

Về công nghiệp: chưa xác định rõ và xây dựng được các ngành mũi nhọn, đầu tàu kéo nền kinh tế phát triển. Do chính sách quy hoạch, đầu tư không hiệu quả nên hiện nay, có 12 dự án thua lỗ hàng ngàn tỷ, đang là gánh nặng đối với nền kinh tế (Nhà máy gang thép Thái Nguyên, Nhà máy đạm Ninh Bình, Nhà máy tơ sợi Đình Vũ...). Đây cũng là một trong các nguyên nhân làm cho nợ công tăng nhanh ở Việt Nam thời gian qua: nếu như năm 2001, nợ công mới ở mức 36,5% GDP, thì đến năm 2010 đã tăng lên mức 50% GDP và năm 2015 tăng nhanh đến mức báo động là 62,2% GDP. Trong khi đó tình hình thu ngân sách rất khó khăn, chúng ta đang phải thoái vốn trong một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước lớn; trong khi nghĩa vụ trả nợ ngày càng lớn. Không những vậy, tình trạng tham nhũng, lãng phí không những có xu hướng gia tăng, mà còn rất nghiêm trọng, xuất hiện những biểu hiện tiêu cực như “lợi ích nhóm”, “tư bản thân hữu”, “sân sau của gia đình”, sự câu kết giữa quyền lực với lợi ích kinh tế... đang làm xói mòn nền kinh tế và tiến bộ xã hội<sup>3</sup>.

Trong khi thế giới đang tiến đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. về tổng thể, công nghiệp nước ta vẫn chủ yếu ở giai đoạn 2-giai đoạn dây chuyền gia công, lắp ráp (theo thống kê đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam sử dụng công nghệ lạc hậu của những năm 1980, trong đó 52% sử dụng thiết bị lạc hậu, 38% sử

dụng thiết bị trung bình, chỉ gần 10% là thiết bị tương đối hiện đại). Điều này đòi hỏi ta phải có chiến lược và chính sách công nghiệp phù hợp để không bị “lỡ tàu” một lần nữa.

Về nông nghiệp: bên cạnh những thành tựu còn nhiều hạn chế như chậm đổi mới thể chế chính sách, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng thị trường trong điều kiện HNQT sâu rộng và tác động nặng nề của biến đổi khí hậu. Chính sách hạn điền đang là nút thắt khiến sản xuất nông nghiệp khó chuyển sang sản xuất lớn, chuyên canh, áp dụng cơ khí hóa và tiên bộ khoa học kỹ thuật theo hướng mở rộng quy mô canh tác. Bên cạnh đó, cần tháo dỡ các rào cản về thủ tục hành chính, xây dựng và đảm bảo tính ổn định của quy hoạch, tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp, HTX kiểu mới...

Tính đồng bộ gắn kết giữa các ngành, các lĩnh vực chưa cao, công tác phối hợp về HNQT giữa các bộ ngành, cơ quan trung ương và các địa phương, doanh nghiệp chưa tốt. Khả năng nhận định, dự báo, đánh giá xu thế, cảnh báo sớm tác động của các lĩnh vực hội nhập kinh tế trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực còn yếu.

Thể chế KTTT, kể cả hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, mặc dù đã được dần hình thành, song còn chậm, thiếu đồng bộ, nhiều mặt còn chưa phù hợp, gây cản trở, làm méo mó quá trình vận hành của cơ chế thị trường. Hiệu lực quản lý nhà nước còn hạn chế, nhất là trong điều hành nền kinh tế còn nặng tính hành chính, quan liêu; phân định chức năng chưa rõ ràng, mặt khác, lại duy trì quá lâu sự độc quyền trong một số lĩnh vực (độc quyền nhà nước biến thành độc quyền doanh nghiệp).

Môi trường pháp lý và môi trường kinh doanh mặc dù đã được cải thiện, song nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập,

chi phí gia nhập thị trường của các doanh nghiệp vẫn còn cao so với khu vực. Xét về tổng thể, theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), sức cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và sản phẩm nước ta còn chậm được cải thiện. Tự do hoá giá cả, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, gỡ bỏ dần hàng rào bảo hộ đối với doanh nghiệp trong nước, nhất là doanh nghiệp nhà nước còn chậm được tiến hành. Thực trạng đầu tư chưa theo tín hiệu của thị trường còn phổ biến, nhiều dự án đầu tư vẫn theo chỉ định cấp phát, còn dấu ấn của mô hình kế hoạch tập trung, cơ chế “xin-cho” vẫn tồn tại. Việc xây dựng luật còn bị chi phối bởi tư duy cát cứ, lợi ích nhóm của từng bộ, ngành, thiếu tính đồng bộ và đảm bảo lợi ích tổng thể của nền kinh tế, của xã hội. Các công cụ quản lý nhà nước chưa phát huy được vai trò định hướng tích cực dẫn đến tình trạng đầu tư tràn lan theo phong trào (mía đường, hệ thống cầu cảng, sản xuất bia...). Nhìn chung, cơ chế thị trường hoạt động kém hiệu quả, quá trình tự do hoá kinh tế diễn ra chậm chạp một phần do sự chi phối quá mức của Nhà nước vào quá trình sản xuất-kinh doanh, mặt khác do duy trì quá lâu quan hệ kinh tế phi thị trường giữa Nhà nước và doanh nghiệp, các nguyên tắc thị trường bị vi phạm.

Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo thống kê chiếm đến 97%), đang gặp nhiều khó khăn về vốn, trang thiết bị lạc hậu, mặt bằng sản xuất kinh doanh, nguồn nhân lực hạn hẹp, trình độ nhìn chung còn thấp, việc tiếp cận thông tin về chính sách, HNQT còn hạn chế. Khu vực kinh tế tư nhân mặc dù được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế, song còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh thấp. Doanh

ngiệp nhà nước được xác định là lực lượng chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế song chưa chủ động vươn lên, cải tiến công nghệ, quản lý, nâng cao sức cạnh tranh để đứng vững trong thời kỳ cạnh tranh hội nhập, còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự bảo hộ của Nhà nước. Cải cách thể chế còn chậm, nhất là thủ tục hành chính, các thị trường như thị trường đất đai, thị trường lao động, thị trường tiền tệ, thị trường khoa học công nghệ chậm được hình thành, phát triển. Phát triển kinh tế chưa chú trọng đầy đủ đến giải quyết các vấn đề xã hội, tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, khoảng cách phân hóa giàu nghèo tăng nhanh, ảnh hưởng đến sự ổn định phát triển. Môi trường sinh thái có nguy cơ bị hủy hoại, ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Quá trình toàn cầu hóa và HNQT đang được đẩy mạnh. Nền kinh tế nước ta sẽ tiếp tục hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Điều này sẽ tác động sâu sắc đến việc xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở nước ta, tạo ra nhiều thời cơ và thách thức, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới tư duy, khẩn trương và có bước đi phù hợp trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.

---

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 104, 104

3. Xem Báo *Tuổi trẻ*, ngày 2-9-2016